

**TỔNG CÔNG TY SONADEZI**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố 2, Phường Long Hưng, TP.Đồng Nai

Tel: 0251 3832225 Fax: 0251 3831259

Email: [info@dongnaiport.com.vn](mailto:info@dongnaiport.com.vn) Website: [www.dongnai-port.com](http://www.dongnai-port.com)



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
*REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE*



*Dong Nai, July 20<sup>th</sup>, 2026*

**Phụ lục V / Appendix V**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính / Issued together with Circular No.96/2020/TT-BTC dated November 16<sup>th</sup>, 2020 of the Ministry of Finance)

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẢNG ĐỒNG NAI**  
  
**DONG NAI PORT  
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

-----  
Số / No.: 73/2026/BC-HĐQT

-----  
Đồng Nai, ngày 20 tháng 07 năm 2026  
Dong Nai, day 20 month 07 year 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

(Báo cáo 6 tháng đầu năm 2026 / Semi-Annual Report 2026)

Kính gửi / To: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước / The State Securities Commission  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM / Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên công ty / Company name: Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai / Dong Nai Port J.S Company
- Địa chỉ trụ sở chính / Head Office Address: 1B-D3 KP Bình Dương, Phường Long Hưng, TP.Đồng Nai, Việt Nam / 1B-D3 Binh Duong Quarter, Long Hung Ward, Dong Nai City, Vietnam
- Điện thoại / Telephone: 02513.832.225 Fax: 02513.831.259
- Email: [info@dongnaiport.com.vn](mailto:info@dongnaiport.com.vn)
- Vốn điều lệ / Charter Capital: 555.658.200.000 VND
- Mã chứng khoán / Stock Symbol: PDN
- Mô hình quản trị công ty / Governance model: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc / General Meeting of Shareholders, Management Board, Supervisory Committee, General Director
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ / The implementation of Internal Audit: đã thực hiện / Implemented.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông / Activities of the General Meeting of Shareholders**

Căn cứ Luật doanh nghiệp hiện hành, ngày 20/04/2026 Công ty đã tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tại Hội trường Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, địa chỉ: 1B-D3 KP Bình Dương, Phường Long Hưng, TP.Đồng Nai và ban hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung chính sau đây / Pursuant to the current Law, the Company organized the Annual General Meeting of Shareholders at the Hall of Dong Nai Port Joint Stock Company, address: 1B-D3 Binh Duong Quarter, Long Hung Ward, Dong Nai City on April 20<sup>th</sup>, 2026 and issued the Resolution of the General Meeting of Shareholders approving the following contents:



| STT / No. | Số Nghị quyết / Resolution No. | Ngày / Issued Date | Nội dung / Contents                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----------|--------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Số 32/2026/NQ-ĐHĐCĐ            | 20/04/2026         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và nhiệm kỳ 2021-2026; Kế hoạch và phương hướng hoạt động SXKD năm 2026 và nhiệm kỳ 2026 – 2031 / <i>Approved Report of the Management Board on operation and business results in 2025 and term 2021 - 2026; Plan and direction for operation and business activities in 2026 and term 2026 - 2031.</i></li> <li>- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát HĐQT và Tổng Giám đốc trong công tác quản lý điều hành năm 2025 và Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam thực hiện / <i>Approved the Report of the Supervisory Committee for supervising business and operation activities, supervising Management Board and General Director in the 2025's activities and operation and 2025's Financial Statements audited by RSM Vietnam.</i></li> <li>- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 / <i>Approved the 2025's profit distribution method and the plan of 2026's profit distribution method.</i></li> <li>- Thông qua mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch năm 2026; Mức lương của Trưởng BKS chuyên trách, chi phí hoạt động của BKS năm 2025; Lương của Trưởng BKS chuyên trách năm 2026 / <i>Approved the remuneration of the Management Board and Supervisory Committee in 2025 and the 2026's plan; full-time salary of the Chief of Supervisory Committee, operating costs of the Supervisory Committee in 2025 and plan for 2026.</i></li> <li>- Thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 / <i>Approved the plan for selecting an independent auditing firm for the fiscal year 2026.</i></li> <li>- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty / <i>Approved for the amendment and supplementation of Company's Charter.</i></li> <li>- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị công ty / <i>Approved for the amendment and supplementation of the Internal Regulation on Corporate Governance.</i></li> <li>- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát / <i>Approved for the Amendment and supplementation of the Regulation on Supervisory Committee's operation.</i></li> <li>- Thông qua việc cập nhật, điều chỉnh ngành nghề</li> </ul> |

103  
ON  
OI  
CA  
ON  
4A

|  |  |  |                                                                                                                                                                                                                   |
|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  | kinh doanh theo hệ thống ngành kinh tế Việt Nam mới / <i>Approved for the update and adjustment of the Company's business lines in accordance with the prevailing Vietnam Standard Industrial Classification.</i> |
|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## II. Hội đồng quản trị / *Management Board* (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2026 / *Semi-Annual Report 2026*):

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị / *Information about the member of the Management Board*:

Ngày 20/04/2026 Đại hội đồng cổ đông thường niên đã tổ chức họp và bầu thành công Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới giai đoạn 2026-2031 gồm có / *On 20/04/2026, the Annual General Meeting of Shareholders was successfully held and elected members of Management Board for 2026-2031 term including:*

| STT<br>/ No. | Thành viên HĐQT /<br><i>Member of Management Board</i> | Chức vụ<br>(Thành viên HĐQT độc lập, TV.HĐQT không điều hành) / <i>Position (Independent member, non-executive member of Management Board)</i> | Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập / <i>The date becoming/ceasing to be the member of Management Board</i> |                                               |
|--------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|              |                                                        |                                                                                                                                                | Ngày bổ nhiệm /<br><i>Date of Appointment</i>                                                                                    | Ngày miễn nhiệm /<br><i>Date of Dismissal</i> |
| 1            | Ông / Mr. Trần Thanh Hải                               | Chủ tịch HĐQT /<br><i>Chairman</i>                                                                                                             | 20/04/2026                                                                                                                       | -                                             |
| 2            | Ông / Mr. Nguyễn Ngọc Tuấn                             | Thành viên HĐQT điều hành / <i>Executive Member</i>                                                                                            | 20/04/2026                                                                                                                       | -                                             |
| 3            | Ông / Mr. Huỳnh Ngọc Tuấn                              | Thành viên HĐQT điều hành / <i>Executive Member</i>                                                                                            | 20/04/2026                                                                                                                       | -                                             |
| 4            | Ông / Mr. Đặng Doãn Kiên                               | Thành viên HĐQT không điều hành / <i>Non-Executive Member</i>                                                                                  | 20/04/2026                                                                                                                       | -                                             |
| 5            | Ông / Mr. Nguyễn Công Hiếu                             | Thành viên HĐQT độc lập / <i>Independent Member</i>                                                                                            | 20/04/2026                                                                                                                       | -                                             |
|              | Ông / Mr. Nguyễn Tiến Hùng                             | Thành viên HĐQT độc lập / <i>Independent Member</i>                                                                                            | -                                                                                                                                | 20/04/2026                                    |

2. Các cuộc họp HĐQT / *Meetings of Management Board*: Trong 6 tháng đầu năm 2026, các thành viên HĐQT đã tham dự các phiên họp bằng hình thức trực tiếp và Phiếu lấy ý kiến, cụ thể như sau / *In Semi-Annual 2026, members of Management Board directly attended meetings or gave opinion via evaluation forms, specifically as follows*:

| STT<br>/<br>No. | Thành viên HĐQT /<br><i>Members of Management Board</i> | Số buổi họp / lấy<br>ý kiến HĐQT<br>tham dự /<br><i>Number of<br/>meetings attended</i> | Tỷ lệ tham<br>dự họp /<br><i>Attendance<br/>rate</i> | Lý do không tham<br>dự họp / <i>Reason for<br/>absence</i>                           |
|-----------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 1               | Ông / Mr. Trần Thanh Hải                                | 12                                                                                      | 12/12                                                | -                                                                                    |
| 2               | Ông / Mr. Nguyễn Ngọc Tuấn                              | 12                                                                                      | 12/12                                                | -                                                                                    |
| 3               | Ông / Mr. Huỳnh Ngọc Tuấn                               | 12                                                                                      | 12/12                                                | -                                                                                    |
| 4               | Ông / Mr. Đặng Doãn Kiên                                | 12                                                                                      | 12/12                                                | -                                                                                    |
| 5               | Ông / Mr. Nguyễn Công Hiếu                              | 5                                                                                       | 5/12                                                 | Trúng cử nhiệm kỳ<br>mới 2026-2031 / <i>To<br/>be elected for term<br/>2026-2031</i> |
|                 | Ông / Mr. Nguyễn Tiến Hùng                              | 7                                                                                       | 7/12                                                 | Kết thúc nhiệm kỳ /<br><i>Term 2021-2026<br/>ended</i>                               |

Ghi chú / Note: HĐQT tổ chức 04 phiên họp trực tiếp và 08 Phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT / *Management Board held 04 meetings and 08 evaluation forms from members.*

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc / *The Supervising of Management Board to General Directors Board*:

- Ban Tổng Giám đốc đã có nỗ lực lớn và thực hiện nhiệm vụ được giao trong 6 tháng đầu năm 2026, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã làm tốt công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm ổn định, an toàn sức khỏe cho nhân viên và hoạt động kinh doanh có trách nhiệm cao với các bên liên quan / *The General Directors Board has made great efforts and performed assigned targets in Semi-Annual 2026, strictly complying with current legal regulations and the Company's operating regulations. The General Directors Board has managed production and business activities effectively, ensuring stable working environment, health safety for employees and highly responsible business activities with relevant parties.*

- Hội đồng quản trị giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Việc triển khai thực hiện các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT đúng thời gian, kịp thời, đảm bảo chất lượng / *The Management Board supervised the General Directors Board in implementing the Resolutions and Decisions issued by the Management Board. Directors Board was timely implemented Resolutions/Decisions, ensuring high quality in operation.*

- Hàng tháng, hàng quý Ban Tổng Giám đốc Công ty đều lập báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các báo cáo theo quy định của quy chế hoạt động của HĐQT gửi cho các thành viên HĐQT, kịp thời xử lý các công việc xảy ra thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản

11/01/2026  
11/01/2026  
11/01/2026  
11/01/2026

trị / Monthly and quarterly, the General Directors Board sends to members of Management Board the Reports on the Company's production and business activities and Reports in accordance with the regulations of the Management Board, timely handles works belonged to the Management Board's responsibility.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị / Activities of the Management Board's subcommittees:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai đã ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ ngày 15/06/2021. Tiếp nối nhiệm kỳ 2021-2026 vừa qua, công ty tiếp tục ban hành Nghị quyết HĐQT số 35/2026/NQ-HĐQT ngày 20/04/2026 về việc bổ nhiệm lại bà Nguyễn Thị Thu Trang (chức vụ hiện tại là Trưởng Ban kiểm soát) làm Trưởng Ban kiểm toán nội bộ nhiệm kỳ 2026-2031 / The Directors Management Board of Dong Nai Port Joint Stock Company issued the Operating Regulations of the Internal Audit Committee on 15/06/2021. Continuously with the previous term 2021-2026, the company continues to issue the Resolution No. 35/2026/NQ-HĐQT dated 20/04/2026 in order to re-appoint Ms. Nguyen Thi Thu Trang (current position as Chief of the Supervisory Committee) as the Chief of Internal Audit Committee for term 2026-2031.

Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra Nghị quyết của HĐQT đồng thời thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm toán nội bộ được triển khai đa dạng qua hình thức tiếp cận với các báo cáo và tiếp xúc với Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng ban Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán độc lập / The Internal Audit Committee supervised the activities of the Management Board through meetings, discussions, and the issuance of Resolutions; supervised the activities of the General Directors Board through the compliance with Resolutions issued. Supervision activities of the Internal Audit Committee were implemented in a variety forms through reports and discussion directly with the Chief Financial Officer, Chief Accountant, Chief of Internal Supervising Committee, Independent Auditor.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm toán nội bộ luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý liên quan và luôn nhận được sự hợp tác. Ban Kiểm toán nội bộ đánh giá kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2026 như sau / During the tasks implementation, the Internal Audit Committee always coordinates well with members of the Management Board, General Directors Board and relevant managers with highly cooperation. The Internal Audit Committee evaluates the results of business and operation in Semi-Annual 2026 as follows:

+ Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ chủ trương, định hướng của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ công ty cũng như chiến lược kinh doanh phù hợp với xu thế của thị trường, đảm bảo công ty phát triển một cách hiệu quả, an toàn và bền vững / The General Directors Board has complied with the policies and orientations of the Management Board and the General Meeting of Shareholders, implemented well the company's internal governance as well as business strategies in accordance with market trends, ensuring the company developed effectively, safely and sustainably.

+ Công ty đã cập nhật và ban hành các quy định, quy chế nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành / The Company has updated and issued internal regulations in accordance with current laws.

+ Công ty thực hiện tốt công tác công bố thông tin theo quy định Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội khoá 14 và Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán / *The company performs information disclosure well in accordance with the Provisions of Securities Law No.54/2019/QH14 dated November 26<sup>th</sup>, 2019 issued by the 14th National Assembly and Circular No.96/2020/TT-BTC dated November 16<sup>th</sup>, 2020 issued by the Ministry of Finance regarding the information disclosure's guidance on the stock market.*

+ Cho đến nay, chưa phát hiện sai sót trọng yếu, gian lận hoặc rủi ro tiềm tàng trên báo cáo tài chính. Người phụ trách Quản trị Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT / *Up to now, misstatements, fraud or potential risks haven't been detected in the financial statements. The person in charge of Corporate Governance has performed well the task of monitoring, urging the implementation and reporting on the implementation of Resolutions/ Decisions of the Management Board.*

5. Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị / *Resolutions / Decisions issued by Management Board* (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2026 / *Semi-Annual Report 2026*):

| STT / No. | Số Nghị quyết/ Quyết định / Number of Resolutions/ Decisions | Ngày / Date | Nội dung / Contents                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Tỷ lệ thông qua / Rate for approval |
|-----------|--------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1         | Quyết định HĐQT / Decision<br>số: 04/2026/QĐ-HQQT            | 21/01/2026  | - Ban hành Quy chế tiền lương của Công ty CP Cảng Đồng Nai / <i>Issue the Salary Regulations of Dong Nai Port Joint Stock Company</i>                                                                                                                                                                                   | 100%                                |
| 2         | Nghị quyết HĐQT / Resolution<br>số: 08/2026/NQ-HQQT          | 02/03/2026  | - Thống nhất chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2025 bằng tiền / <i>Approved for the first interim dividend of 2025 by cash to shareholders</i><br>- Thống nhất thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 / <i>Approve time for holding Annual General Meeting of Shareholders 2026</i> | 100%                                |
| 3         | Quyết định HĐQT / Decision<br>số: 17/2026/QĐ-HQQT            | 25/03/2026  | - Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 / <i>Approved for salary fund carried out in 2025</i>                                                                                                                                                                                                                     | 100%                                |
| 4         | Quyết định HĐQT / Decision                                   | 25/03/2026  | - Phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 / <i>Approved for the planning of salary fund in 2026</i>                                                                                                                                                                                                                  | 100%                                |

|    |                                                                |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|----|----------------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    | số: 18/2026/QĐ-HĐQT                                            |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
| 5  | Nghị quyết HĐQT /<br><i>Resolution</i><br>số: 19/2026/NQ-HĐQT  | 25/03/2026 | - Thống nhất địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 / <i>Approved for the location for holding the 2026 Annual Meeting of Shareholder</i>                                                                                                                            | 100% |
| 6  | Nghị quyết HĐQT /<br><i>Resolution</i><br>số: 20/2026/NQ-HĐQT  | 25/03/2026 | - Thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 / <i>Approved plan targets for 2026</i>                                                                                                                                                                                                      | 100% |
| 7  | Quyết định HĐQT /<br><i>Decision</i><br>số: 28/2026/QĐ-CĐN     | 01/04/2026 | - Phê duyệt các nội dung điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư dự án Mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2A – Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai / <i>Approved for the amendments to the Investment Certificate of Dong Nai Port Expansion Project Phase 2A – Long Hung Ward, Dong Nai Province</i> | 100% |
| 8  | Nghị quyết HĐQT /<br><i>Resolution</i><br>số: 37A/2026/NQ-HĐQT | 13/04/2026 | - Thông qua việc ký hợp đồng với bên có liên quan là Công ty CP Cấp nước Đồng Nai / <i>Approved for signing contract with relevant company, Dong Nai Water Supply J.S Company</i>                                                                                                        | 100% |
| 9  | Nghị quyết HĐQT /<br><i>Resolution</i><br>số: 37F/2026/NQ-HĐQT | 17/04/2026 | - Thông qua việc ký hợp đồng với bên có liên quan là Công ty CP Dịch vụ Sonadezi / <i>Approved for signing contract with relevant company, Sonadezi Services J.S Company</i>                                                                                                             | 100% |
| 10 | Nghị quyết HĐQT /<br><i>Resolution</i><br>số: 35/2026/NQ-HĐQT  | 20/04/2026 | - Bổ nhiệm lại Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ của Công ty CP Cảng Đồng Nai / <i>Re-appoint the position as Chief of Internal Audit Committee of Dong Nai Port J.S Company</i>                                                                                                               | 100% |
| 11 | Nghị quyết HĐQT /<br><i>Resolution</i><br>số: 36/2026/NQ-HĐQT  | 20/04/2026 | - Bổ nhiệm lại Phụ trách Quản trị Công ty kiêm Thư ký HĐQT / <i>Re-appoint the person in charge of Corporate Governance cum Secretary to Management Board</i>                                                                                                                            | 100% |

|    |                                                                   |            |                                                                                                                                                                 |      |
|----|-------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12 | Nghị quyết HĐQT /<br><i>Resolution</i><br>số: 38/2026/NQ-<br>HĐQT | 20/04/2026 | - Bổ nhiệm lại Ban điều hành Công ty /<br><i>Re-appoint the Company's Board of Directors</i>                                                                    | 100% |
| 13 | Quyết định HĐQT /<br><i>Decision</i><br>số: 39/2026/QĐ-<br>HĐQT   | 20/04/2026 | - Bổ nhiệm lại chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Ngọc Tuấn /<br><i>Re-appoint General Director to Mr. Nguyen Ngoc Tuan</i>                               | 100% |
| 14 | Quyết định HĐQT /<br><i>Decision</i><br>số: 40/2026/QĐ-<br>HĐQT   | 20/04/2026 | - Bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Huỳnh Ngọc Tuấn /<br><i>Re-appoint Deputy General Director to Mr. Huynh Ngoc Tuan</i>                      | 100% |
| 15 | Quyết định HĐQT /<br><i>Decision</i><br>số: 41/2026/QĐ-<br>HĐQT   | 20/04/2026 | - Bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Văn Ban /<br><i>Re-appoint Deputy General Director to Mr. Nguyen Van Ban</i>                        | 100% |
| 16 | Quyết định HĐQT /<br><i>Decision</i><br>số: 42/2026/QĐ-<br>HĐQT   | 20/04/2026 | - Bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Đỗ Minh Tuấn /<br><i>Re-appoint Deputy General Director to Mr. Do Minh Tuan</i>                            | 100% |
| 17 | Quyết định HĐQT /<br><i>Decision</i><br>số: 43/2026/QĐ-<br>HĐQT   | 20/04/2026 | - Bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Vũ Thị Quỳnh Trang /<br><i>Re-appoint Chief Accountant to Mrs. Vu Thi Quynh Trang</i>                          | 100% |
| 18 | Quyết định HĐQT /<br><i>Decision</i><br>số: 46/2026/QĐ-<br>HĐQT   | 21/04/2026 | - Cử đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai /<br><i>Send representatives of capital contributions at Dong Nai Port Services J.S Company</i> | 100% |
| 19 | Nghị quyết HĐQT /<br><i>Resolution</i><br>số: 63/2026/NQ-<br>HĐQT | 24/06/2026 | - Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 /<br><i>Selection of the auditor for the 2026 financial statements</i>                                   | 100% |

360  
C  
Đ  
T  
H  
A  
N

|    |                                                               |            |                                                                                                                                |      |
|----|---------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20 | Nghị quyết HĐQT /<br><i>Resolution</i><br>số: 64/2026/NQ-HĐQT | 24/06/2026 | - Vay vốn tại Ngân hàng Shinhan /<br><i>Capital loan at Shinhan Bank</i>                                                       | 100% |
| 21 | Quyết định HĐQT /<br><i>Decision</i><br>số: 66/2026/QĐ-HĐQT   | 24/06/2026 | - Cập nhật, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý tài chính / <i>Update, amend, supplement the Financial Management Regulations</i> | 100% |
| 22 | Quyết định HĐQT /<br><i>Decision</i><br>số: 67/2026/QĐ-HĐQT   | 24/06/2026 | - Cập nhật, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ / <i>Update, amend, supplement the Internal Expenditure Regulations</i>   | 100% |

**III. Ban kiểm soát / Supervisory Committee** (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2026 / *Semi-Annual Report 2026*):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát / *Information of Supervisory Committee members*:

| STT / No. | Thành viên BKS /<br><i>Members of Supervisory Committee</i> | Chức vụ /<br><i>Position</i>                          | Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS /<br><i>The date becoming/ceasing to be the member of the Supervisory Committee</i> | Trình độ chuyên môn /<br><i>Qualification</i>                           |
|-----------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Bà / Mrs. Nguyễn Thị Thu Trang                              | Trưởng BKS /<br><i>Chief of Supervisory Committee</i> | 20/04/2026                                                                                                                    | Đại học kế toán /<br><i>University of Accounting</i>                    |
| 2         | Bà / Mrs. Hoàng Thị Thu Thủy                                | Thành viên BKS /<br><i>Member</i>                     | 20/04/2026                                                                                                                    | Thạc sỹ tài chính ngân hàng /<br><i>Master of Banking and Finance</i>   |
| 3         | Ông / Mr. Nguyễn Mai Khánh Trình                            | Thành viên BKS /<br><i>Member</i>                     | 20/04/2026                                                                                                                    | Cử nhân Kế toán – Kiểm toán /<br><i>Bachelor of Accounting-Auditing</i> |

2. Cuộc họp của Ban Kiểm soát / *Meetings of Supervisory Committee:*

| STT<br>/<br>No. | Thành viên BKS / <i>Members of<br/>Supervisory Committee</i> | Số buổi họp<br>tham dự /<br><i>Attendance</i> | Tỷ lệ<br>tham dự<br>họp / <i>Rate</i> | Tỷ lệ<br>biểu<br>quyết /<br><i>Vote<br/>Rate</i> | Lý do<br>không<br>tham dự<br>họp /<br><i>Absence<br/>reason</i> |
|-----------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1               | Bà / <i>Mrs.</i> Nguyễn Thị Thu Trang                        | 2                                             | 2/2                                   | 100%                                             | -                                                               |
| 2               | Bà / <i>Mrs.</i> Hoàng Thị Thu Thủy                          | 2                                             | 2/2                                   | 100%                                             | -                                                               |
| 3               | Ông / <i>Mr.</i> Nguyễn Mai Khánh Trình                      | 2                                             | 2/2                                   | 100%                                             | -                                                               |

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Cổ đông / *Supervising activities to Management Board, General Director Board and Shareholders:*

- Hàng tháng, Trưởng Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp giao ban do Ban lãnh đạo tổ chức nhằm tăng cường hoạt động giám sát mọi lĩnh vực hoạt động trong toàn công ty / *Monthly, Chief of Supervisory Committee participates in meeting organized by the General Directors Board to strengthen supervision of all operational areas throughout the company.*
- Hàng quý, Ban kiểm soát tiến hành kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá việc quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông / *Quarterly, the Supervisory Committee conducts checking production and business activities, evaluates financial reports and the management of the Management Board and General Directors Board in carrying out production and business tasks in accordance with the Resolution of the Annual General Meeting aimed at ensuring the legal rights of shareholders.*

4. Sự phối hợp hoạt động của BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác / *The coordination of the Supervisory Committee together with the Management Board, General Directors Board and other Managers:*

- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ quản lý trong Công ty đã phối hợp, tạo điều kiện cho BKS thực hiện công tác kiểm soát mọi hoạt động trong toàn Công ty / *The Management Board, General Directors Board and company's managers have coordinated and created conditions for the Supervisory Committee to carry out the control of all activities throughout the Company.*

5. Hoạt động khác của BKS / *Other activities of the Supervisory Committee:* Không có / *None*

**IV. Ban điều hành / *Executive Board***

Thời hạn bổ nhiệm của Ban điều hành công ty nhiệm kỳ 2021-2026 đã kết thúc. Theo đó, ngày 20/04/2026 Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2026-2031 đã tổ chức họp và thống nhất bổ nhiệm lại Ban điều hành nhiệm kỳ 2026-2031 như sau / *The Executive Board's term 2021-2026 ended. Accordingly, the Management Board for 2026-2031 term held a meeting on April 20, 2026 and unanimously agreed to re-appoint the Executive Board for 2026-2031 term as follows:*

| STT / No. | Thành viên Ban điều hành / Members of General Director Board            | Ngày tháng năm sinh / Date of birth | Trình độ chuyên môn / Qualification                                                                                                                                                  | Ngày bổ nhiệm lại thành viên Ban điều hành / Date of re-appointed members of General Director Board |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Ông / Mr. Nguyễn Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc / General Director           | 17/08/1970                          | Thạc sỹ QTKD; Kỹ sư Kinh tế vận tải thủy bộ; Cử nhân chuyên ngành Anh văn / Master of Business Administration; Waterway and Roadway Transport Economic Engineer; Bachelor of English | 20/04/2026                                                                                          |
| 2         | Ông / Mr. Huỳnh Ngọc Tuấn – Phó Tổng Giám đốc / Deputy General Director | 11/09/1972                          | Thạc sỹ QTKD; Cử nhân Kinh tế ngành Ngân hàng / Master of Business Administration; Bachelor of Economy in Banking                                                                    | 20/04/2026                                                                                          |
| 3         | Ông / Mr. Nguyễn Văn Ban - Phó Tổng Giám đốc / Deputy General Director  | 01/12/1974                          | Thạc sỹ QTKD / Master of Business Administration                                                                                                                                     | 20/04/2026                                                                                          |
| 4         | Ông / Mr. Đỗ Minh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc / Deputy General Director    | 11/05/1983                          | Thạc sỹ QTKD; Kỹ sư xây dựng cầu đường / Master of Business Administration; Construction Engineer                                                                                    | 20/04/2026                                                                                          |

#### V. Kế toán trưởng / Chief Accountant

| Họ và tên / Name                                                 | Ngày tháng năm sinh / Date of Birth | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ / Qualification | Ngày bổ nhiệm / Appointment Date |
|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------|
| Bà / Mrs. Vũ Thị Quỳnh Trang – Kế toán trưởng / Chief Accountant | 10/02/1987                          | Cử nhân kế toán / Bachelor of Accounting      | 20/04/2026                       |

#### VI. Đào tạo về Quản trị Công ty / Training on Corporate Governance:

Trong thời gian qua, HĐQT đã bố trí thành viên tham dự khóa đào tạo về quản trị công ty và đã được cấp chứng chỉ. Các thành viên đã tham dự khóa đào tạo gồm có / *The Management Board has arranged for members attending a training courses on corporate governance and having been granted certificates, including:*

| STT / No. | Họ và tên / Name                | Chức vụ / Position                                                                                                                                                                               |
|-----------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Ông / Mr. Trần Thanh Hải        | Chủ tịch HĐQT / <i>Chairman</i>                                                                                                                                                                  |
| 2         | Ông / Mr. Nguyễn Ngọc Tuấn      | Tổng Giám đốc / <i>General Director</i>                                                                                                                                                          |
| 3         | Ông / Mr. Huỳnh Ngọc Tuấn       | TV.HĐQT; Phó Tổng giám đốc; Giám đốc tài chính; Đại diện công bố thông tin / <i>Member of Management Board; Deputy General Director; Finance Director; Information Disclosure Representative</i> |
| 4         | Ông / Mr. Nguyễn Văn Ban        | Phó Tổng giám đốc / <i>Deputy General Director</i>                                                                                                                                               |
| 5         | Bà / Mrs. Nguyễn Thị Thu Trang  | Trưởng Ban kiểm soát / <i>Chief of Supervisory Committee</i>                                                                                                                                     |
| 6         | Bà / Mrs. Nguyễn Thị Ngọc Khanh | Phụ trách Quản trị kiêm Thư ký HĐQT / <i>Person in charge of Corporate Governance cum Secretary to Management Board</i>                                                                          |

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2026) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty / *The list of affiliated persons of the public company (Semi-Annual report 2026) and transactions of company's affiliated persons***

**1. Danh sách người có liên quan của công ty / *The list of company's affiliated persons:***

a. Danh sách người có liên quan của công ty / *The list of Company's affiliated persons* (Người quản lý Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp - Công ty mẹ / *Managers of Sonadezi Corporation – Mother Company*):

| STT / No.                                             | Tên tổ chức/cá nhân / Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty / Position at the Company | Số giấy NSH / ID No. | Ngày cấp giấy NSH / Date of issuance | Nơi cấp / Place of issuance | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ / Contact address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan / Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan / Time of ending to be affiliated person | Lý do / Reasons | Mối quan hệ liên quan với công ty / Relationship with the Company |
|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------|
| 1                                                     | 2                                                     | 3                                                                              | 4                                             | 5                    | 6                                    | 7                           | 8                                                      | 9                                                                                  | 10                                                                                 | 11              | 12                                                                |
| <b>I Thành viên HĐQT / Member of Management Board</b> |                                                       |                                                                                |                                               |                      |                                      |                             |                                                        |                                                                                    |                                                                                    |                 |                                                                   |
| 1                                                     | Trương Đình Hiệp                                      |                                                                                |                                               |                      |                                      |                             |                                                        | 16/04/2024                                                                         |                                                                                    |                 | Chủ tịch HĐQT Tổng CTCP Phát triển KCN / Chairman                 |
| 2                                                     | Trần Thanh Hải                                        |                                                                                | Chủ tịch HĐQT PDN                             |                      |                                      |                             |                                                        | 28/04/2021                                                                         |                                                                                    |                 | Thành viên HĐQT Tổng CTCP Phát triển KCN / Board member           |
| 3                                                     | Nguyễn Thị Hạnh                                       |                                                                                |                                               |                      |                                      |                             |                                                        | 28/04/2021                                                                         |                                                                                    |                 | Thành viên HĐQT Tổng CTCP Phát triển KCN / Board member           |
| 4                                                     | Nguyễn Văn Tuấn                                       |                                                                                |                                               |                      |                                      |                             |                                                        | 28/04/2021                                                                         |                                                                                    |                 | Thành viên HĐQT Tổng CTCP Phát triển KCN / Board member           |
| 5                                                     | Đinh Ngọc Thuận                                       |                                                                                |                                               |                      |                                      |                             |                                                        | 28/04/2021                                                                         |                                                                                    |                 | Thành viên HĐQT Tổng CTCP Phát triển KCN / Board member           |



|                                                        |                        |  |  |                                          |  |  |  |            |            |                                                            |                                                                                |
|--------------------------------------------------------|------------------------|--|--|------------------------------------------|--|--|--|------------|------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 6                                                      | Lương Minh Hiền        |  |  |                                          |  |  |  | 28/04/2021 |            |                                                            | Thành viên HĐQT<br>Tổng CTCP Phát triển KCN / <i>Board member</i>              |
| 7                                                      | Ông Phạm Trần Hòa Hiệp |  |  |                                          |  |  |  | 23/04/2026 |            | Trùng cử theo Nghị quyết số 107/NQ-SNZ-QTTH ngày 23/4/2026 | Thành viên HĐQT<br>Tổng CTCP Phát triển KCN / <i>Board member</i>              |
| 8                                                      | Phạm Quốc Chí          |  |  |                                          |  |  |  | 28/04/2021 | 23/04/2026 | Hết nhiệm kỳ II (2021-2026)                                | Thành viên HĐQT<br>Tổng CTCP Phát triển KCN / <i>Board member</i>              |
| <b>II Ban Tổng Giám đốc / General Director's Board</b> |                        |  |  |                                          |  |  |  |            |            |                                                            |                                                                                |
| 1                                                      | Trần Thanh Hải         |  |  | Đã khai mục HĐQT / <i>Declared above</i> |  |  |  | 28/04/2021 |            |                                                            | Tổng giám đốc<br>Tổng CTCP Phát triển KCN / <i>General Director</i>            |
| 2                                                      | Lương Minh Hiền        |  |  | Đã khai mục HĐQT / <i>Declared above</i> |  |  |  | 28/04/2021 |            |                                                            | Phó Tổng giám đốc<br>Tổng CTCP Phát triển KCN / <i>Deputy General Director</i> |
| 3                                                      | Đinh Ngọc Thuận        |  |  | Đã khai mục HĐQT / <i>Declared above</i> |  |  |  | 28/04/2021 |            |                                                            | Phó Tổng giám đốc<br>Tổng CTCP Phát triển KCN / <i>Deputy General Director</i> |
| 4                                                      | Nguyễn Thị Hạnh        |  |  | Đã khai mục HĐQT / <i>Declared above</i> |  |  |  | 28/04/2021 |            |                                                            | Phó Tổng giám đốc<br>Tổng CTCP Phát triển KCN / <i>Deputy General Director</i> |

112  
TƯ  
HÀN  
NG  
JNA  
ĐƠN

| III Kế toán trưởng / Chief Accountant |                  |  |  |  |  |  |  |            |  |  |                                                                     |
|---------------------------------------|------------------|--|--|--|--|--|--|------------|--|--|---------------------------------------------------------------------|
| 1                                     | Lê Thị Bích Loan |  |  |  |  |  |  | 29/04/2021 |  |  | Kế toán trưởng<br>Tổng CTCP Phát<br>triển KCN / Chief<br>Accountant |



b. Danh sách các công ty là Công ty thành viên/ Công ty cùng tập đoàn Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp / *The list of member companies under Sonadezi Corporation's management:*

| STT /<br>No. | Tên công ty / <i>Company name</i>                                                                                                  | Số ĐKKD / <i>Business<br/>Registration Certificate No.</i> |
|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1            | Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp /<br><i>Sonadezi Corporation</i>                                                        | 3600335363                                                 |
| 2            | Công ty CP Môi trường Sonadezi / <i>Sonadezi<br/>Environment J.S Company</i>                                                       | 3600274914                                                 |
| 3            | Công ty CP Cấp nước Đồng Nai / <i>Dong Nai Water<br/>Supply Joint Stock Company</i>                                                | 3600259296                                                 |
| 4            | Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai /<br><i>Dong Nai Construction and Materials Investment Joint<br/>Stock Company</i> | 3600259352                                                 |
| 5            | Công ty CP Sonadezi Long Thành / <i>Sonadezi Long<br/>Thanh J.S Company</i>                                                        | 3600649539                                                 |
| 6            | Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 / <i>No.2<br/>Industrial Urban Development Joint Stock Company</i>                   | 3600259560                                                 |
| 7            | Công ty CP Sonadezi Châu Đức / <i>Sonadezi Chau Duc<br/>J.S Company</i>                                                            | 3600899948                                                 |
| 8            | Công ty CP Sonadezi Long Bình / <i>Sonadezi Long Binh<br/>J.S Company</i>                                                          | 3601867699                                                 |
| 9            | Công ty CP Sonadezi Bình Thuận / <i>Sonadezi Binh<br/>Thuan J.S Company</i>                                                        | 3401205899                                                 |
| 10           | Công ty CP Sonadezi An Bình / <i>Sonadezi An Binh J.S<br/>Company</i>                                                              | 3600449307                                                 |
| 11           | Công ty CP Dịch vụ Sonadezi / <i>Sonadezi Services J.S<br/>Company</i>                                                             | 3600890938                                                 |
| 12           | Công ty CP Sonadezi Giang Điền / <i>Sonadezi Giang<br/>Dien J.S Company</i>                                                        | 3603474037                                                 |
| 13           | Trường Cao đẳng Công nghệ & Quản trị Sonadezi /<br><i>Sonadezi Technology &amp; Management College</i>                             | Số GCNĐK:<br>135/2017/GCNĐK KHĐ-<br>TCDNGCNĐK              |
| 14           | Công ty CP Xây dựng Đồng Nai / <i>Dong Nai<br/>Construction J.S Company</i>                                                        | 3600510590                                                 |
| 15           | Công ty CP Kinh doanh nhà Đồng Nai / <i>Dong Nai<br/>Housing Trading Joint Stock Company</i>                                       | 3600322445                                                 |



|    |                                                                                                                                |            |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 16 | Công ty CP Sơn Đồng Nai / <i>Dong Nai Paint J.S Company</i>                                                                    | 3600451024 |
| 17 | Công ty CP Xây lắp 1 Đồng Nai / <i>Dong Nai No. 1 Industrial Civil Construction Joint Stock Company</i>                        | 3600503226 |
| 18 | Công ty CP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang / <i>National Highway 91 Can Tho - An Giang Investment Joint Stock Company</i> | 3603181739 |
| 19 | Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai / <i>Dong Nai Bridge Investment &amp; Construction J.S Company</i>                  | 3600990139 |
| 20 | Công ty CP Sonadezi Khánh Hòa / <i>Sonadezi Khanh Hoa J.S Company</i>                                                          | 4202024314 |

11/11/2023  
CC  
CC  
C  
CC  
/H

**2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ / Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.**

Đảm bảo tuân thủ điều kiện mỗi giao dịch hoặc tổng giá trị các giao dịch có liên quan nhỏ hơn 35% tổng tài sản của công ty tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất, với điều kiện là các giao dịch đó được thực hiện trên cơ sở công bằng, và các điều khoản của giao dịch không bất lợi hơn các điều khoản tương tự do các đối tác độc lập khác đề xuất / *Ensure to be compliance with the condition that each transaction or the total value of related transactions is less than 35% of the company's total assets basing on the most recent quarterly financial report, provided that such transactions are carried out on a fair basis, and the terms of the transaction are no more unfavorable than similar terms proposed by other independent counterparties.*

| STT<br>/ No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>/ Name of organization /individual      | Mối quan hệ liên quan với công ty / Relation | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. * / ID No. and date/ place of issuance                                                            | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ / Address                                             | Thời điểm giao dịch với công ty / Time of transaction | Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) / Number of Resolution/Decision of Management Board | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch / Content and total value of transaction (chưa gồm thuế / excluded VAT)               | Ghi chú / Note                                   |
|--------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 1            | Công ty CP Sonadezi Long Bình / Sonadezi Long Binh J.S Company | Công ty cùng tập đoàn / Fellow Subsidiary    | Số GCNĐKDN: 3601867699, ngày cấp lại 05/05/2026, Nơi cấp: Sở Tài chính Đồng Nai / No: 3601867699 re-issued on 05/05/2026 by the Financial | Số 1 Đường 3A, KCN BH2, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai / No. 1 3A Street, BH2 IZ, Long Hung Ward, | Năm 2026 / Year 2026                                  | Nghị quyết HĐQT số 115/2025/NQ-HĐQT ngày 22/12/2025 / Resolution No. 115/2025/NQ-HDQT dated 22/12/2025                                | - Ký hợp đồng năm 2026 về việc “Cung cấp và sử dụng nước trong KCN Gò Dầu” / Signing contract in 2026 regarding “Water Supplying | PDN chi trả tiền dịch vụ / PDN pays services fee |

|   |                                                                             |                                                     |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                     |                                |                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                            |
|---|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
|   |                                                                             |                                                     | <i>Department of Dong Nai City</i>                                                                                                                                                 | <i>Dong Nai City</i>                                                                                                                |                                |                                                                                                                  | <i>and usage in Go Dau IZ"</i><br><br>- Tổng giá trị thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 là /<br><i>Total value in Semi-Annual 2026 is 1.061.307.200 đồng</i>                                                                                                                                                    |                                                            |
| 2 | Công ty CP Môi trường Sonadezi /<br><i>Sonadezi Environment J.S Company</i> | Công ty cùng tập đoàn /<br><i>Fellow Subsidiary</i> | Số GCNĐKDN: 3600274914, ngày cấp lại 07/05/2026, Nơi cấp: Sở Tài chính TP.Đồng Nai /<br><i>No: 3600274914 re-issued on 07/05/2026 by the Financial Department of Dong Nai City</i> | Số 12, đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Trần Biên, TP. Đồng Nai /<br><i>No.12, Huynh Van Nghe Street, Tran Bien Ward, Dong Nai City</i> | Năm 2026 /<br><i>Year 2026</i> | Nghị quyết HĐQT số 115/2025/NQ-HĐQT ngày 22/12/2025 /<br><i>Resolution No. 115/2025/NQ-HDQT dated 22/12/2025</i> | - Ký hợp đồng năm 2026 về việc “Vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt” /<br><i>Signing contract in 2026 regarding “Transportation and treatment of household solid waste”</i><br><br>- Tổng giá trị thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 là /<br><i>Total value in Semi-Annual 2026 is 121.375.000 đồng</i> | PDN chi trả tiền dịch vụ /<br><i>PDN pays services fee</i> |

|   |                                                                       |                                                     |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                   |                                |                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                            |
|---|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 3 | Công ty CP Dịch vụ Sonadezi /<br><i>Sonadezi Services J.S Company</i> | Công ty cùng tập đoàn /<br><i>Fellow Subsidiary</i> | Số GCNĐKDN: 3600890938, ngày cấp lại 06/05/2026, Nơi cấp: Sở Tài chính TP.Đồng Nai /<br><i>No. 3600890938 re-issued on 06/05/2026 by the Financial Department of Dong Nai City</i> | Số 22B, đường 3A, KCN BH2, Phường Trần Biên, TP.Đồng Nai, Việt Nam /<br><i>No.22B, 3A Street, BH2 IZ, Tran Bien Ward, Dong Nai City, Viet Nam</i> | Năm 2026 /<br><i>Year 2026</i> | + Nghị quyết HĐQT số 115/2025/NQ-HĐQT ngày 22/12/2025 / <i>Resolution No. 115/2025/NQ-HDQT dated 22/12/2025</i><br><br>+ Nghị quyết HĐQT số 37F/2026/NQ-HĐQT ngày 17/04/2026 / <i>Resolution No. 37F/2026/NQ-HDQT dated 17/04/2026</i> | - Ký hợp đồng năm 2026 về việc “Vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải không nguy hại” / <i>Signing contract in 2026 regarding “Transportation and treatment of hazardous and non-hazardous waste”</i><br><br>- Ký hợp đồng “thuê đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước nhiễm than Trạm 1 công suất 37m3/giờ và Trạm 2 công suất 50m3/giờ tại Cảng Gò Dầu B” / <i>“Renting a contractor to operate the coal-contaminated water treatment system for Station 1 (capacity 37 m3/hour) and Station 2 (capacity 50 m3/hour) at Go Dau B Port”</i> | PDN chi trả tiền dịch vụ /<br><i>PDN pays services fee</i> |
|---|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|

|   |                                                                            |                                                     |                                                                                                                                                                      |                                                                                                                |                                |                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                            |
|---|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
|   |                                                                            |                                                     |                                                                                                                                                                      |                                                                                                                |                                |                                                                                                                                                                                                                      | - Tổng giá trị thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 là /<br><i>Total value in Semi-Annual 2026 is 182.500.000 đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                            |
| 4 | Công ty CP Cấp nước Đồng Nai /<br><i>Dong Nai Water Supply J.S Company</i> | Công ty cùng tập đoàn /<br><i>Fellow Subsidiary</i> | Số GCNĐKDN: 34557/26, ngày cấp lại 09/04/2026, Nơi cấp: Sở Tài chính TP.Đồng Nai / No. 34557/26 re-issued on 09/04/2026 by the Financial Department of Dong Nai City | Số 48, đường CMT8, Phường Trần Biên, TP.Đồng Nai, Việt Nam / No.48, CMT8 Street, Tran Bien Ward, Dong Nai City | Năm 2026 /<br><i>Year 2026</i> | + Nghị quyết HĐQT số 115/2025/NQ-HĐQT ngày 22/12/2025 / Resolution No. 115/2025/NQ-HĐQT dated 22/12/2025<br>+ Nghị quyết HĐQT số 37A/2026/NQ-HĐQT ngày 13/04/2026 / Resolution No. 37A/2026/NQ-HĐQT dated 13/04/2026 | - Ký hợp đồng năm 2026 về việc “Mua bán nước uống đóng chai hiệu Doriv” và “Cung cấp nước sinh hoạt” /<br><i>Signing contract in 2026 regarding “Consuming bottled pure drinking water products Doriv” and “Supply office water usage”</i><br>- Ký hợp đồng “Lắp đặt đường ống nước, đồng hồ nước cấp cho khu bãi 1,8ha” / Sign contract “Install water pipes and water meters for the 1.8 hectare land area” | PDN chi trả tiền dịch vụ /<br><i>PDN pays services fee</i> |

|   |                                                                                                      |                                                  |                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                |                             |                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                                                      |                                                  |                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                |                             |                                                                                                               | - Tổng giá trị thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 là /<br><i>Total value in Semi-Annual 2026 is 374.251.261 đồng</i>                                                                                                                                                   |  |
| 5 | Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi / <i>Sonadezi Technology &amp; Management College</i> | Công ty cùng tập đoàn / <i>Fellow Subsidiary</i> | Số GCNĐKDN: 135/2017/GCNĐK KHD- TCDNGCNDK, ngày cấp 14/06/2017, Nơi cấp: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp / <i>No. 135/2017/GCNĐK KHD- TCDNGCNDK issued on 14/06/2017 by Directorate of Vocational Education and Training</i> | Số 1 Đường 6 A, KCN BH2, TP.Đồng Nai, Việt Nam / <i>No.1, 6A Street, BH2 IZ, Dong Nai City</i> | Năm 2026 / <i>Year 2026</i> | Nghị quyết HĐQT số 115/2025/NQ-HĐQT ngày 22/12/2025 / <i>Resolution No. 115/2025/NQ-HĐQT dated 22/12/2025</i> | - Ký hợp đồng nguyên tắc năm 2026 về việc “Tổ chức các khóa đào tạo” / <i>Signing contract in 2026 regarding “Organizing training courses”</i><br><br>- Tổng giá trị thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 là / <i>Total value in Semi-Annual 2026 is: 8.000.000 đồng</i> |  |

Ghi chú / Note: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH / No. NSH\*: Number of ID Card (for individual) or number of company's register lisencc (for organization)

**3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát /**  
***Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the***  
***Company takes controlling power***

| STT<br>/ No. | Người thực hiện<br>giao dịch /<br><i>Person<br/>performing the<br/>transaction</i> | Quan hệ với<br>người nội bộ<br>/ <i>Internal<br/>person's<br/>relationship</i> | Chức vụ tại<br>CTNY /<br><i>Position at<br/>listed<br/>company</i> | Số CMND/Hộ<br>chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp / <i>ID<br/>number, date and<br/>place of issuance</i> | Địa chỉ /<br><i>Address</i> | Tên công ty<br>con, công ty<br>do CTNY<br>nắm quyền<br>kiểm soát /<br><i>Name of the<br/>company<br/>taken<br/>controlling<br/>power by the<br/>Listed<br/>company</i> | Thời điểm<br>giao dịch /<br><i>Transaction<br/>time</i> | Nội dung, số<br>lượng, tổng<br>giá trị giao<br>dịch / <i>the<br/>content,<br/>quantity,<br/>total<br/>transaction<br/>value</i> | Ghi<br>chú /<br><i>Note</i> |
|--------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
|              | Không có / <i>None</i>                                                             |                                                                                |                                                                    |                                                                                                  |                             |                                                                                                                                                                        |                                                         |                                                                                                                                 |                             |

**4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác / Transactions between the Company and other objects**

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo) / Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting)

| STT / No. | Tên TV HĐQT/ TV BKS/TGD tại Công ty niêm yết / Name of objects in the listed company | Chức vụ tại Công ty niêm yết / Positions at the listed company                                                           | Tên Công ty có giao dịch / Name of company having transaction                                                                           | Hợp đồng giao dịch (*) / Transaction contract                                                                                                                                      | Chức vụ tại Công ty có giao dịch / Position at company having transaction                      |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Trần Thanh Hải                                                                       | Chủ tịch HĐQT / Chairman                                                                                                 | Công ty CP Sonadezi Long Bình / Sonadezi Long Binh JSC<br>(Tổng giá trị giao dịch / Total value: Đã nêu tại Mục 2 / Declared in Item 2) | - Hợp đồng Cung cấp và sử dụng nước trong KCN Gò Dầu / Contract for water supply in Go Dau I.Z                                                                                     | Thành viên HĐQT trong thời gian 3 năm gần nhất / Member of Management Board for 3 latest years |
| 2         | Huỳnh Ngọc Tuấn                                                                      | Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Người đại diện CBTT / Member of Management Board, Deputy General | Công ty CP Cảng Long Thành / Long Thanh Port JSC<br>(Tổng giá trị giao dịch 6 tháng đầu năm 2026 là / Total value in Semi-              | - Hợp đồng cung ứng dịch vụ xếp dỡ hàng hóa / Contract for providing cargo handling services<br>- Hợp đồng cung cấp dịch vụ tại cảng / Contract for providing services at the port | Chủ tịch HĐQT / Chairman                                                                       |



|   |                          |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                               |
|---|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                          | <i>Director,<br/>Financial<br/>Director,<br/>Information<br/>Disclosure<br/>Representative</i>                                                    | <i>Annual 2026 is<br/><b>286.705.423</b><br/>đồng (trong đó,<br/>PDN mua vào<br/>là / purchasing<br/>is 34.181.100<br/>đồng, bán ra là/<br/>selling is<br/>252.524.323<br/>đồng))</i>                                                                                                                                                                              | - Hợp đồng kinh tế<br>thuê mặt bằng bãi<br>Cảng Gò Dầu A /<br><i>Yard rental contract</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                               |
|   | Vũ Thị<br>Quỳnh<br>Trang | Kế toán trưởng<br>/ <i>Chief<br/>Accountant</i>                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Trưởng BKS /<br><i>Chief of<br/>Supervisory<br/>Board</i>                                                                     |
|   | Nguyễn Thị<br>Ngọc Khanh | Người phụ<br>trách Quản trị,<br>Thư ký HĐQT<br>/ <i>In charge of<br/>Governance<br/>Administration,<br/>Secretary to<br/>Management<br/>Board</i> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Thành viên<br>BKS /<br><i>Member of<br/>Supervisory<br/>Board</i>                                                             |
| 3 | Trần Văn<br>Nguyên       | Thành viên<br>HĐQT /<br><i>Member of<br/>Management<br/>Board</i>                                                                                 | Công ty CP<br>Dịch vụ Cảng<br>Đồng Nai /<br><i>Dong Nai Port<br/>Services J.S<br/>Company</i><br><br>(Tổng giá trị<br>giao dịch 6<br>tháng đầu năm<br>2026 là / <i>Total<br/>value in Semi-<br/>Annual 2026 is<br/><b>30.970.248.165</b><br/>đồng (trong đó,<br/>PDN mua vào<br/>là / purchasing<br/>is<br/>30.513.635.436<br/>đồng, bán ra là/<br/>selling is</i> | - Hợp đồng cung<br>ứng dịch vụ liên quan<br>đến làm hàng<br>container / <i>Contract<br/>for providing services<br/>related to container<br/>handling</i><br><br>- Hợp đồng dịch vụ<br>mua bán nhiên liệu<br>phục vụ sản xuất /<br><i>Fuel purchasing<br/>service contract for<br/>production</i><br><br>- Hợp đồng dịch vụ<br>thuê thiết bị và công<br>nhân xếp dỡ / <i>Service<br/>contract for hiring<br/>equipment and<br/>workers</i><br><br>- Hợp đồng cung<br>cấp dịch vụ tại cảng /<br><i>Contract for</i> | Thành viên<br>HĐQT trong<br>thời gian 3<br>năm gần nhất<br>/ <i>Member of<br/>Management<br/>Board for 3<br/>latest years</i> |
|   | Nguyễn Văn<br>Ban        | Phó Tổng giám<br>đốc / <i>Deputy<br/>General<br/>Director</i>                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Phó Chủ tịch<br>HĐQT / <i>Vice<br/>Chairman of<br/>Management<br/>Board</i>                                                   |

|   |                       |                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                       |
|---|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                       |                                                                                                                | 456.612.729 đồng))                                                                                                                                                                                                                              | <i>providing services at the port</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                       |
| 4 | Nguyễn Ngọc Tuấn      | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc / <i>Member of Management Board, General Director</i>                           | Công ty CP Tiếp vận Số 1 Đồng Nai / <i>Dong Nai No. 1 logistics J.S Company</i>                                                                                                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng CTCP Tiếp vận Số 1 Đồng Nai cung ứng dịch vụ liên quan đến làm hàng container cho PDN / <i>Dong Nai No. 1 Logistics Joint Stock Company contract to provide services related to container handling for PDN</i></li> <li>- Hợp đồng PDN cung cấp dịch vụ liên quan đến làm hàng container cho CTCP Tiếp vận Số 1 Đồng Nai / <i>PDN contract to provide services related to container handling for Dong Nai No. 1 Logistics Joint Stock Company</i></li> <li>- Hợp đồng dịch vụ thuê thiết bị xếp dỡ / <i>Equipment supply services contract</i></li> <li>- Hợp đồng cung cấp dịch vụ tại cảng / <i>Services supply contract at Port</i></li> <li>- Hợp đồng thuê mặt bằng bãi Càng Đồng Nai / <i>Leasing yards at Dong Nai Port</i></li> </ul> | Thành viên HĐQT trong thời gian 3 năm gần nhất / <i>Member of Management Board for 3 latest years</i> |
|   | Nguyễn Thị Ngọc Khanh | Phụ trách Quản trị, Thư ký HĐQT / <i>In charge of Governance Administration, Secretary to Management Board</i> | (Tổng giá trị giao dịch 6 tháng đầu năm 2026 là / <i>Total value in Semi-Annual 2026 is</i> <b>21.237.447.127</b> đồng (trong đó, PDN mua vào là / <i>purchasing is</i> 16.623.180.577 đồng, bán ra là / <i>selling is</i> 4.614.266.550 đồng)) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thành viên BKS / <i>Member of Supervisory Board</i>                                                   |
| 5 | Hoàng Thị Thu Thủy    | Thành viên BKS                                                                                                 | Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai / <i>Development &amp; Investment</i>                                                                                                                                                                       | Hợp đồng vay vốn 84 tỷ đồng để đầu tư xây dựng bến tàu 30.000DWT (bến B5) / <i>Loan contract</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Trưởng phòng Kế toán / <i>Chief of</i>                                                                |

|  |  |  |                                  |                                                                             |                             |
|--|--|--|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
|  |  |  | <i>Fund of Dong Nai Province</i> | <i>of 84 billion VND to invest in building a 30,000DWT berth (B5 berth)</i> | <i>Financial Department</i> |
|--|--|--|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|

(\*) Các hợp đồng ký kết đảm bảo tuân thủ điều kiện mỗi giao dịch hoặc tổng giá trị các giao dịch có liên quan nhỏ hơn 35% tổng tài sản của công ty tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất, với điều kiện là các giao dịch đó được thực hiện trên cơ sở công bằng, và các điều khoản của giao dịch không bất lợi hơn các điều khoản tương tự do các đối tác độc lập khác đề xuất / *Signed contracts ensure to be complied with the condition that each transaction or the total value of related transactions is less than 35% of the company's total assets basing on the most recent quarterly financial report, provided that the transactions are carried out in accordance with the equitable basis, and the terms of transaction are no more unfavorable than similar terms proposed by other independent parties.*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành / *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as the member of Management Board, General Director.*

*Không có / None*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác / *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, General Director and other managers.*

*không có / None*

4.4. Giá trị cổ tức của các tổ chức/cá nhân có liên quan 6 tháng đầu năm 2026 / *Dividend value of relevant organizations/individuals in Semi-Annual 2026.*

Đơn vị tính / Unit: VND

| STT / No. | Tên cá nhân/ tổ chức có liên quan / Name of affiliated individual / organization | Tổng giá trị cổ tức 6 tháng đầu năm 2026 (*) / Total dividend value in Semi-Annual 2026 |                            | Ghi chú / Note                                                                               |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                                                                  | PDN nhận / PDN receiving (VND)                                                          | PDN trả / PDN paying (VND) |                                                                                              |
| 1         | Công ty CP Cảng Long Thành / Dong Nai Port J.S Company                           | 934.064.000                                                                             | 1.587.600.000              | Công ty liên kết / Affiliated company (PDN sở hữu 30% VDL / PDN holding 30% charter capital) |

|   |                                                                                     |   |                |                                                                                                                                  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------|---|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2 | Công ty CP Dịch vụ Cảng<br>Đồng Nai / <i>Dong Nai Port<br/>Services J.S Company</i> | - | -              | Công ty liên kết<br>/ <i>Affiliated<br/>company</i> (PDN<br>sở hữu 45%<br>VĐL / <i>PDN<br/>holding 45%<br/>charter capital</i> ) |
| 3 | Công ty Cổ phần Sonadezi<br>Châu Đức / <i>Sonadezi Chau<br/>Duc J.S Company</i>     | - | -              | Công ty cùng<br>tập đoàn /<br><i>Fellow<br/>subsidiary</i>                                                                       |
| 4 | Tổng Công ty CP Đường<br>Sông Miền Nam / <i>Sowatco<br/>(SWC)</i>                   | - | 22.500.000.000 | Nhà đầu tư có<br>ảnh hưởng đáng<br>kể / <i>Significant<br/>influence<br/>shareholder</i>                                         |
| 5 | Tổng Công ty CP Phát triển<br>KCN / <i>Sonadezi<br/>Corporation (SNZ)</i>           | - | 56.677.320.000 | Công ty mẹ /<br><i>Parents<br/>company</i>                                                                                       |
| 6 | Ông / <i>Mr.</i> Nguyễn Ngọc<br>Tuấn                                                | - | 240.720.000    | Tổng giám đốc /<br><i>General<br/>Director</i>                                                                                   |
| 7 | Ông / <i>Mr.</i> Huỳnh Ngọc Tuấn                                                    | - | 22.680.000     | Phó Tổng giám<br>đốc / <i>Deputy<br/>General<br/>Director</i>                                                                    |
| 8 | Ông / <i>Mr.</i> Nguyễn Văn Ban                                                     | - | 7.200.000      | Phó Tổng giám<br>đốc / <i>Deputy<br/>General<br/>Director</i>                                                                    |
| 9 | Ông / <i>Mr.</i> Đỗ Minh Tuấn                                                       | - | 37.260.000     | Phó Tổng giám<br>đốc / <i>Deputy<br/>General<br/>Director</i>                                                                    |

(\*) Giá trị cổ tức chưa khấu trừ thuế TNDN/ TNCN / *Dividend value has not been deducted income tax/personal income tax.*

**VIII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2026) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính công ty / *The list of affiliated person of the public company (Semi-Annual report 2026) and transactions of affiliated persons of the company***

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ / *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company:*



| Stt /<br>No.                                                                         | Họ tên / Name       | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán /<br>Securities<br>trading<br>transaction<br>(nếu có / if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty /<br>Position at<br>company (nếu<br>có / if any)                                                                                                | Số giấy NSH /<br>ID No. | Ngày cấp<br>giấy NSH /<br>Date of<br>issuance | Nơi cấp /<br>Place of<br>issuance | Địa chỉ liên hệ /<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ / Number<br>of shares<br>owned at the<br>end of period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu<br>cuối kỳ /<br>Rate of<br>shares<br>owned at<br>the end of<br>period | Ghi chú / Note                                      |
|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 1                                                                                    | 2                   | 3                                                                                                          | 4                                                                                                                                                                      | 5                       | 6                                             | 7                                 | 8                            | 9                                                                                       | 10                                                                                             | 11                                                  |
| <b>1. Danh sách người nội bộ trong công ty / List of internal persons in company</b> |                     |                                                                                                            |                                                                                                                                                                        |                         |                                               |                                   |                              |                                                                                         |                                                                                                |                                                     |
| 1                                                                                    | Trần Thanh Hải      |                                                                                                            | Chủ tịch HĐQT<br>/ Chairman                                                                                                                                            |                         |                                               |                                   |                              |                                                                                         |                                                                                                | Không điều<br>hành / Non-<br>Executive              |
| 2                                                                                    | Nguyễn Ngọc<br>Tuấn |                                                                                                            | Thành viên<br>HĐQT, Tổng<br>Giám đốc /<br>Management<br>Board's<br>member,<br>General<br>Director                                                                      |                         |                                               |                                   |                              | 120,360                                                                                 | 0.217%                                                                                         | Người đại diện<br>theo PL / Legal<br>representative |
| 3                                                                                    | Huỳnh Ngọc Tuấn     |                                                                                                            | Thành viên<br>HĐQT, Phó<br>TGĐ, GD Tài<br>chính, Đại diện<br>CBTT /<br>Management<br>Board's<br>member, Deputy<br>General<br>Director,<br>Disclosure<br>Representative |                         |                                               |                                   |                              | 11,340                                                                                  | 0.020%                                                                                         | Điều hành /<br>Executive                            |



|    |                           |  |                                                                             |  |  |  |  |        |        |                                                                             |
|----|---------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--------|--------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 4  | Nguyễn Công Hiếu          |  | Thành viên<br>HĐQT độc lập /<br>Independent<br>Management<br>Board's member |  |  |  |  |        |        | Thành viên<br>HĐQT độc lập /<br>Independent<br>Management<br>Board's member |
| 5  | Đặng Doãn Kiên            |  | Thành viên<br>HĐQT /<br>Management<br>Board's member                        |  |  |  |  |        |        | Không điều<br>hành / Non-<br>Executive                                      |
| 6  | Nguyễn Văn Ban            |  | Phó Tổng Giám<br>đốc / Deputy<br>General<br>Director                        |  |  |  |  | 3,600  | 0.006% | Điều hành /<br>Executive                                                    |
| 7  | Đỗ Minh Tuấn              |  | Phó Tổng Giám<br>đốc / Deputy<br>General<br>Director                        |  |  |  |  | 18,630 | 0.034% | Điều hành /<br>Executive                                                    |
| 8  | Vũ Thị Quỳnh<br>Trang     |  | Kế toán trưởng /<br>Chief<br>Accountant                                     |  |  |  |  |        |        |                                                                             |
| 9  | Nguyễn Thị Thu<br>Trang   |  | Trưởng BKS /<br>Chief of<br>Supervisory<br>Board                            |  |  |  |  | 600    | 0,00%  | Chuyên trách /<br>Full-time Chief<br>of Supervisory<br>Board                |
| 10 | Hoàng Thị Thu<br>Thủy     |  | Thành viên BKS<br>/ Supervisory<br>Board's member                           |  |  |  |  |        |        |                                                                             |
| 11 | Nguyễn Mai<br>Khánh Trình |  | Thành viên BKS<br>/ Supervisory<br>Board's member                           |  |  |  |  |        |        |                                                                             |



|      |                                                  |  |                                                                                                                |                                                                                       |  |  |  |                |               |                                                                                                                                     |
|------|--------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.06 | Đinh Thị Xuân<br>Thy                             |  |                                                                                                                |                                                                                       |  |  |  |                |               | Vợ / Wife                                                                                                                           |
| 1.07 | Trần Hải Đăng                                    |  |                                                                                                                |                                                                                       |  |  |  |                |               | Con / Son                                                                                                                           |
| 1.08 | Trần Đăng Quang                                  |  |                                                                                                                |                                                                                       |  |  |  |                |               | Con / Son                                                                                                                           |
| 1.09 | Trương Đỗ Thuận                                  |  |                                                                                                                |                                                                                       |  |  |  |                |               | Anh rể /<br>Brother in law                                                                                                          |
| 1.10 | Nguyễn Trung<br>Thiện                            |  |                                                                                                                |                                                                                       |  |  |  |                |               | Anh rể /<br>Brother in law                                                                                                          |
| 1.11 | Đinh Văn Hôn                                     |  |                                                                                                                |                                                                                       |  |  |  |                |               | Bố vợ / Father<br>in law                                                                                                            |
| 1.12 | Lai Thị Xuân                                     |  |                                                                                                                |                                                                                       |  |  |  |                |               | Mẹ vợ / Mother<br>in law                                                                                                            |
| 1.13 | Tổng Công ty CP<br>Phát triển Khu<br>công nghiệp |  | Tổ chức có liên<br>quan / Related<br>organization                                                              |                                                                                       |  |  |  | 28,338,660     | 51.00%        | Là Thành viên<br>HĐQT, Tổng<br>Giám đốc của<br>Tổng CTCP<br>Phát triển KCN /<br>Management<br>Board member<br>& General<br>Director |
| 2    | Nguyễn Ngọc<br>Tuấn                              |  | <b>Thành viên<br/>HĐQT, Tổng<br/>Giám đốc /<br/>Management<br/>Board member<br/>&amp; General<br/>Director</b> | <b>Đã khai mục người nội bộ / Declared at List of internal persons<br/>in company</b> |  |  |  | <b>120,360</b> | <b>0.217%</b> |                                                                                                                                     |
| 2.01 | Nguyễn Văn Tư                                    |  |                                                                                                                |                                                                                       |  |  |  |                |               | Bố / Father                                                                                                                         |
| 2.02 | Nguyễn Thị Huệ                                   |  |                                                                                                                |                                                                                       |  |  |  |                |               | Mẹ / Mother                                                                                                                         |
| 2.03 | Lê Thị Phương<br>Thảo                            |  |                                                                                                                |                                                                                       |  |  |  | 22,770         | 0.041%        | Vợ / Wife                                                                                                                           |

|      |                      |  |                                                                                                                                       |                                                                            |  |  |  |        |        |                         |
|------|----------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--------|--------|-------------------------|
| 2.04 | Nguyễn Lê Minh Tú    |  |                                                                                                                                       |                                                                            |  |  |  |        |        | Con / Daughter          |
| 2.05 | Nguyễn Lê Minh Tâm   |  |                                                                                                                                       |                                                                            |  |  |  |        |        | Con / Daughter          |
| 2.06 | Nguyễn Lê Cát Tường  |  |                                                                                                                                       |                                                                            |  |  |  |        |        | Con / Daughter          |
| 2.07 | Nguyễn Ngọc Dũng     |  |                                                                                                                                       |                                                                            |  |  |  |        |        | Anh / Brother           |
| 2.08 | Nguyễn Thị Ngọc Anh  |  |                                                                                                                                       |                                                                            |  |  |  |        |        | Chị / Sister            |
| 2.09 | Nguyễn Thị Ngọc Loan |  |                                                                                                                                       |                                                                            |  |  |  |        |        | Chị / Sister            |
| 2.10 | Trần Thị Ánh Nguyệt  |  |                                                                                                                                       |                                                                            |  |  |  |        |        | Chị dâu / Sister in law |
| 2.11 | Nguyễn Thành Đô      |  |                                                                                                                                       |                                                                            |  |  |  |        |        | Anh rể / Brother in law |
| 2.12 | Lê Văn Tại           |  |                                                                                                                                       |                                                                            |  |  |  |        |        | Bố vợ / Father in law   |
| 2.13 | Phạm Thị Trung       |  |                                                                                                                                       |                                                                            |  |  |  |        |        | Mẹ vợ / Mother in law   |
| 3    | Ông Huỳnh Ngọc Tuấn  |  | Thành viên HĐQT, Phó TGD, GD Tài chính, Đại diện CBTT / Management Board's member, Deputy General Director, Disclosure Representative | Đã khai mục người nội bộ / Declared at List of internal persons in company |  |  |  | 11,340 | 0.020% |                         |

|      |                            |  |                                             |  |  |  |  |         |        |                                                        |
|------|----------------------------|--|---------------------------------------------|--|--|--|--|---------|--------|--------------------------------------------------------|
| 3.01 | Huỳnh Ngọc Tài             |  |                                             |  |  |  |  |         |        | Bố / Father                                            |
| 3.02 | Phạm Thị Bích Hằng         |  |                                             |  |  |  |  |         |        | Mẹ / Mother                                            |
| 3.03 | Vũ Thị Thanh Nhân          |  |                                             |  |  |  |  |         |        | Vợ / Wife                                              |
| 3.04 | Huỳnh Vũ Thu Ngân          |  | Nhân viên Ban Kế toán thương vụ             |  |  |  |  |         |        | Con / Daughter                                         |
| 3.05 | Huỳnh Vũ Ngọc Châu         |  |                                             |  |  |  |  |         |        | Con / Daughter                                         |
| 3.06 | Huỳnh Vũ Ngọc Ánh          |  |                                             |  |  |  |  |         |        | Con / Daughter                                         |
| 3.07 | Huỳnh Thị Hành             |  |                                             |  |  |  |  |         |        | Chị / Sister                                           |
| 3.08 | Huỳnh Trọng Nghĩa          |  |                                             |  |  |  |  |         |        | Em / Brother                                           |
| 3.09 | Huỳnh Đức Thuận            |  |                                             |  |  |  |  |         |        | Em / Brother                                           |
| 3.10 | Nguyễn Văn Trung           |  |                                             |  |  |  |  |         |        | Anh rể / Brother in law                                |
| 3.11 | Lê Thị Phương Lan          |  |                                             |  |  |  |  |         |        | Em dâu / Sister in law                                 |
| 3.12 | Đinh Thị Mỹ Linh           |  |                                             |  |  |  |  |         |        | Em dâu / Sister in law                                 |
| 3.13 | Vũ Thanh Loan              |  |                                             |  |  |  |  |         |        | Bố vợ / Father in law                                  |
| 3.14 | Phạm Thị Thià              |  |                                             |  |  |  |  |         |        | Mẹ vợ / Mother in law                                  |
| 3.15 | Công ty CP Cảng Long Thành |  | Tổ chức có liên quan / Related organization |  |  |  |  | 793,800 | 1.429% | Là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cảng Long Thành / Chairman |

|      |                                     |  |                                                                                                    |  |  |  |  |  |  |                                                                              |
|------|-------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------|
| 3.16 | Công ty CP<br>Sonadezi Khánh<br>Hòa |  | Tổ chức có liên<br>quan / <i>Related<br/>organization</i>                                          |  |  |  |  |  |  | Là Chủ tịch<br>HĐQT Công ty<br>CP Sonadezi<br>Khánh Hòa /<br><i>Chairman</i> |
| 4    | Nguyễn Công<br>Hiếu                 |  | <b>Thành viên<br/>HĐQT độc lập /<br/><i>Independent<br/>Member of<br/>Board<br/>Management</i></b> |  |  |  |  |  |  |                                                                              |
| 4.01 | Nguyễn Thành Lân                    |  |                                                                                                    |  |  |  |  |  |  | Bố / <i>Father</i>                                                           |
| 4.02 | Nguyễn Thị Na                       |  |                                                                                                    |  |  |  |  |  |  | Mẹ / <i>Mother</i>                                                           |
| 4.03 | Nguyễn Thành<br>Chung               |  |                                                                                                    |  |  |  |  |  |  | Chị / <i>Sister</i>                                                          |
| 4.04 | Ngô Thị Thu Hà                      |  |                                                                                                    |  |  |  |  |  |  | Vợ / <i>Wife</i>                                                             |
| 4.05 | Nguyễn Hà Anh                       |  |                                                                                                    |  |  |  |  |  |  | Con / <i>Daughter</i>                                                        |
| 4.06 | Nguyễn Hà Mi                        |  |                                                                                                    |  |  |  |  |  |  | Con / <i>Daughter</i>                                                        |
| 4.07 | Nguyễn Hà Nhi                       |  |                                                                                                    |  |  |  |  |  |  | Con / <i>Daughter</i>                                                        |
| 4.08 | Đỗ Thị Hải Yến                      |  |                                                                                                    |  |  |  |  |  |  | Mẹ Vợ / <i>Mother<br/>in law</i>                                             |
| 4.09 | Ngô Minh Chi                        |  |                                                                                                    |  |  |  |  |  |  | Bố vợ / <i>Father<br/>in law</i>                                             |

|      |                                      |  |                                                                    |                                                                                              |  |  |  |                  |           |                                                                                                                               |
|------|--------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4.10 | Công ty CP<br>Sonadezi Bình<br>Thuận |  |                                                                    |                                                                                              |  |  |  |                  |           | Là Kế toán<br>trưởng CTCP<br>Sonadezi Bình<br>Thuận / <i>Chief<br/>Accountant of<br/>Sonadezi Binh<br/>Thuan JSC</i>          |
| 4.11 | Công ty CP<br>Sonadezi Long<br>Bình  |  |                                                                    |                                                                                              |  |  |  |                  |           | Là TV.BKS<br>CTCP Sonadezi<br>Long Bình /<br><i>Member of<br/>Supervisory<br/>Committee of<br/>Sonadezi Long<br/>Binh JSC</i> |
| 5    | Đặng Doãn Kiên                       |  | <b>Thành viên<br/>HĐQT /<br/>Management<br/>Board's<br/>member</b> | <b>Đã khai mục người nội bộ / <i>Declared at List of internal persons<br/>in company</i></b> |  |  |  | <b>0 cổ phần</b> | <b>0%</b> |                                                                                                                               |
| 5.01 | Đặng Doãn Vỹ                         |  |                                                                    |                                                                                              |  |  |  |                  |           | Bố / <i>Father</i>                                                                                                            |
| 5.02 | Vương Kim Nhân                       |  |                                                                    |                                                                                              |  |  |  |                  |           | Mẹ / <i>Mother</i>                                                                                                            |
| 5.03 | Đặng Nguyễn<br>Hoàng Linh            |  |                                                                    |                                                                                              |  |  |  |                  |           | Con ruột, còn<br>nhỏ / <i>Daughter</i>                                                                                        |
| 5.04 | Đặng Minh Triết                      |  |                                                                    |                                                                                              |  |  |  |                  |           | Con ruột, còn<br>nhỏ / <i>Son</i>                                                                                             |
| 5.05 | Đặng Minh Trí                        |  |                                                                    |                                                                                              |  |  |  |                  |           | Con ruột, còn<br>nhỏ / <i>Son</i>                                                                                             |
| 5.06 | Đặng Minh Chính                      |  |                                                                    |                                                                                              |  |  |  |                  |           | Con ruột, còn<br>nhỏ / <i>Son</i>                                                                                             |

|      |                                                 |  |                                                    |  |  |  |  |            |         |                                                                                                                      |
|------|-------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------|--|--|--|--|------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5.07 | Đặng Việt Hà                                    |  |                                                    |  |  |  |  |            |         | Em gái / <i>Sister</i>                                                                                               |
| 5.08 | Keith Schulz                                    |  |                                                    |  |  |  |  |            |         | Em rể / <i>Brother in law</i>                                                                                        |
| 5.09 | Công ty CP Vận Tải Đa Phương Thức Vietranstimex |  | Tổ chức có liên quan / <i>Related organization</i> |  |  |  |  |            |         | Là Chủ tịch HĐQT CTCP Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex / <i>Chairman</i>                                         |
| 5.10 | Công ty CP Giao Nhận và Vận Chuyển Indo Trần    |  | Tổ chức có liên quan / <i>Related organization</i> |  |  |  |  |            |         | Đặng Doãn Kiên là Phó TGĐ (phụ trách đầu tư) CTCP Giao Nhận và Vận Chuyển Indo Trần / <i>Deputy General Director</i> |
| 5.11 | Tổng Công ty CP Đường Sông Miền Nam             |  | Tổ chức có liên quan / <i>Related organization</i> |  |  |  |  | 11,250,000 | 20.246% | Đặng Doãn Kiên là Chủ tịch HĐQT Tổng CTCP Đường Sông Miền Nam / <i>Chairman</i>                                      |
| 5.12 | Công ty TNHH North Star Logistics               |  | Tổ chức có liên quan / <i>Related organization</i> |  |  |  |  |            |         | Là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH North Star Logistics / <i>Chairman</i>                                                 |
| 5.13 | Công ty CP Sowatco Tri Phương                   |  | Tổ chức có liên quan / <i>Related organization</i> |  |  |  |  |            |         | Đặng Doãn Kiên là Chủ tịch HĐQT / <i>Chairman</i>                                                                    |

|      |                                  |  |                                             |                                                                            |  |  |  |        |        |                                                                                   |
|------|----------------------------------|--|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--------|--------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| 6    | Nguyễn Văn Ban                   |  | Phó Tổng Giám đốc / Deputy General          | Đã khai mục người nội bộ / Declared at List of internal persons in company |  |  |  | 3,600  | 0.006% |                                                                                   |
| 6.01 | Nguyễn Văn May                   |  |                                             |                                                                            |  |  |  |        |        | Bố / Father                                                                       |
| 6.02 | Mai Thị Rào                      |  |                                             |                                                                            |  |  |  |        |        | Mẹ / Mother                                                                       |
| 6.03 | Nguyễn Thị Lan Anh               |  |                                             |                                                                            |  |  |  |        |        | Vợ / Wife                                                                         |
| 6.04 | Nguyễn Uyên Nhi                  |  |                                             |                                                                            |  |  |  |        |        | Con / Daughter                                                                    |
| 6.05 | Nguyễn Thị Lan                   |  |                                             |                                                                            |  |  |  |        |        | Chị / Sister                                                                      |
| 6.06 | Nguyễn Văn An                    |  |                                             |                                                                            |  |  |  |        |        | Anh / Brother                                                                     |
| 6.07 | Nguyễn Thị Thúy                  |  |                                             |                                                                            |  |  |  |        |        | Chị / Sister                                                                      |
| 6.08 | Nguyễn Thị Vân                   |  |                                             |                                                                            |  |  |  |        |        | Em / Sister                                                                       |
| 6.09 | Nguyễn Văn Việt                  |  |                                             |                                                                            |  |  |  |        |        | Bố vợ / Father in law                                                             |
| 6.10 | Dương Thị Hồng Sâm               |  |                                             |                                                                            |  |  |  |        |        | Mẹ vợ / Mother in law                                                             |
| 6.11 | Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai |  | Tổ chức có liên quan / Related organization |                                                                            |  |  |  |        |        | Nguyễn Văn Ban là Phó CT.HĐQT Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai / Vice Chairperson |
| 7    | Đỗ Minh Tuấn                     |  | Phó Tổng Giám đốc / Deputy General Director | Đã khai mục người nội bộ / Declared at List of internal persons in company |  |  |  | 18,630 | 0.034% |                                                                                   |

[illegible]

|      |                            |  |                                                                         |  |  |  |  |         |        |                                                                        |
|------|----------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|---------|--------|------------------------------------------------------------------------|
| 8.05 | Vũ Quốc Hưng               |  | Nhân viên điều độ / <i>Operation staff</i>                              |  |  |  |  |         |        | Em / <i>Brother</i>                                                    |
| 8.06 | Triệu Văn Trường           |  |                                                                         |  |  |  |  |         |        | Chồng / <i>Husband</i>                                                 |
| 8.07 | Triệu Vũ Thùy Dung         |  |                                                                         |  |  |  |  |         |        | Con, Còn nhỏ / <i>Daughter</i>                                         |
| 8.08 | Triệu Vũ Bảo Ngọc          |  |                                                                         |  |  |  |  |         |        | Con, Còn nhỏ / <i>Daughter</i>                                         |
| 8.09 | Bùi Văn Dương              |  | Ban HCBV - Cảng Long Bình Tân / <i>Administration staff at LBT Port</i> |  |  |  |  |         |        | Anh rể / <i>Brother in law</i>                                         |
| 8.10 | Đỗ Văn Long                |  | Nhân viên điều độ / <i>Operation staff</i>                              |  |  |  |  |         |        | Em rể / <i>Brother in law</i>                                          |
| 8.11 | Ngô Thị Thanh Huyền        |  |                                                                         |  |  |  |  |         |        | Em dâu / <i>Sister in law</i>                                          |
| 8.12 | Vũ Thị Tươi                |  |                                                                         |  |  |  |  |         |        | Mẹ Chồng / <i>Mother in law</i>                                        |
| 8.13 | Triệu Quốc Phòng           |  |                                                                         |  |  |  |  |         |        | Bố chồng / <i>Father in law</i>                                        |
| 8.14 | Công ty CP Cảng Long Thành |  | Tổ chức có liên quan / <i>Related organization</i>                      |  |  |  |  | 793,800 | 1.429% | Là Trưởng BKS CTCP Cảng Long Thành / <i>Chief of Supervisory Board</i> |

[illegible]

|       |                                                 |  |                                                    |  |  |  |  |            |         |                                                                                                  |
|-------|-------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------|--|--|--|--|------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10.02 | Nguyễn Ngọc Thịnh                               |  |                                                    |  |  |  |  |            |         | Con, Còn nhỏ /<br><i>Son</i>                                                                     |
| 10.03 | Nguyễn Cát Tiên                                 |  |                                                    |  |  |  |  |            |         | Con, Còn nhỏ /<br><i>Daughter</i>                                                                |
| 10.04 | Nguyễn Ngọc Thanh                               |  |                                                    |  |  |  |  |            |         | Cha / <i>Father</i>                                                                              |
| 10.05 | Mai Thị Oanh Thục                               |  |                                                    |  |  |  |  |            |         | Mẹ / <i>Mother</i>                                                                               |
| 10.06 | Nguyễn Mai Bá Trường                            |  |                                                    |  |  |  |  |            |         | Em trai /<br><i>Brother</i>                                                                      |
| 10.07 | Pasaylo Maria Deasery Cantal                    |  |                                                    |  |  |  |  |            |         | Em dâu / <i>Sister in law</i>                                                                    |
| 10.08 | Nguyễn Quang Cảnh                               |  |                                                    |  |  |  |  |            |         | Cha vợ / <i>Father in law</i>                                                                    |
| 10.09 | Lê Thị Huệ                                      |  |                                                    |  |  |  |  |            |         | Mẹ vợ / <i>Mother in law</i>                                                                     |
| 10.10 | Nguyễn Thị Hòa                                  |  |                                                    |  |  |  |  |            |         | Chị vợ / <i>Sister in law</i>                                                                    |
| 10.11 | Tổng Công ty CP Đường Sông Miền Nam             |  | Tổ chức có liên quan / <i>Related organization</i> |  |  |  |  | 11,250,000 | 20.246% | Là Trưởng BKS Tổng Công ty CP Đường Sông Miền Nam / <i>Chief Supervisory Section</i>             |
| 10.12 | Công ty CP Vận Tải Đa Phương Thức Vietranstimex |  | Tổ chức có liên quan / <i>Related organization</i> |  |  |  |  |            |         | Là Trưởng BKS Công ty CP Vận Tải Đa Phương Thức Vietranstimex / <i>Chief Supervisory Section</i> |

|       |                             |  |                                                    |                                                                                   |  |  |  |           |    |                                                                                                       |
|-------|-----------------------------|--|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|-----------|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10.13 | Công ty CP Kho Vận Miền Nam |  | Tổ chức có liên quan / <i>Related organization</i> |                                                                                   |  |  |  |           |    | Giám đốc tài chính, TP Kế toán tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Kho Vận Miền Nam / <i>CFO</i> |
| 11    | Hoàng Thị Thu Thủy          |  | Thành viên BKS / <i>Supervisory Board's member</i> | Đã khai mục người nội bộ / <i>Declared at List of internal persons in company</i> |  |  |  | 0 cổ phần | 0% |                                                                                                       |
| 11.01 | Hoàng Xuân Tâm              |  |                                                    |                                                                                   |  |  |  |           |    | Bố / <i>Father</i>                                                                                    |
| 11.02 | Nguyễn Thị Bé               |  |                                                    |                                                                                   |  |  |  |           |    | Mẹ / <i>Mother</i>                                                                                    |
| 11.03 | Nguyễn Đức Lợi              |  |                                                    |                                                                                   |  |  |  |           |    | Chồng / <i>Husband</i>                                                                                |
| 11.04 | Nguyễn Thị Bình             |  |                                                    |                                                                                   |  |  |  |           |    | Con / <i>Daughter</i>                                                                                 |
| 11.05 | Nguyễn Hoàng Bách           |  |                                                    |                                                                                   |  |  |  |           |    | Con / <i>Son</i>                                                                                      |
| 11.06 | Hoàng Xuân Sơn              |  |                                                    |                                                                                   |  |  |  |           |    | Em / <i>Brother</i>                                                                                   |
| 11.07 | Nguyễn Đức Ngọ              |  |                                                    |                                                                                   |  |  |  |           |    | Bố chồng / <i>Father in law</i>                                                                       |
| 11.08 | Trịnh Thị Quang             |  |                                                    |                                                                                   |  |  |  |           |    | Mẹ Chồng / <i>Mother in law</i>                                                                       |

|       |                       |  |                                                                                              |                                                                                   |  |  |  |     |       |                                |
|-------|-----------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|-----|-------|--------------------------------|
| 12    | Nguyễn Thị Ngọc Khanh |  | Phụ trách quản trị, Thư ký HĐQT / <i>Person in charge of Corporate Governance, Secretary</i> | Đã khai mục người nội bộ / <i>Declared at List of internal persons in company</i> |  |  |  | 450 | 0.00% |                                |
| 12.01 | Nguyễn Văn Xế         |  |                                                                                              |                                                                                   |  |  |  |     |       | Bố / <i>Father</i>             |
| 12.02 | Nguyễn Thị Ba         |  |                                                                                              |                                                                                   |  |  |  |     |       | Mẹ / <i>Mother</i>             |
| 12.03 | Nguyễn Thị Ngọc Liên  |  |                                                                                              |                                                                                   |  |  |  |     |       | Chị / <i>Sister</i>            |
| 12.04 | Nguyễn Thanh Quang    |  |                                                                                              |                                                                                   |  |  |  |     |       | Anh / <i>Brother</i>           |
| 12.05 | Nguyễn Ngọc Tâm       |  |                                                                                              |                                                                                   |  |  |  |     |       | Chị / <i>Sister</i>            |
| 12.06 | Nguyễn Thanh Tuyền    |  |                                                                                              |                                                                                   |  |  |  |     |       | Anh / <i>Brother</i>           |
| 12.07 | Nguyễn Thị Mỹ Dung    |  |                                                                                              |                                                                                   |  |  |  |     |       | Chị / <i>Sister</i>            |
| 12.08 | Nguyễn Thị Ngọc Mai   |  |                                                                                              |                                                                                   |  |  |  |     |       | Chị / <i>Sister</i>            |
| 12.09 | Nguyễn Thị Mỹ Cơ      |  |                                                                                              |                                                                                   |  |  |  |     |       | Chị / <i>Sister</i>            |
| 12.10 | Nguyễn Quốc Hùng      |  | Nhân viên lái xe / <i>Driver</i>                                                             |                                                                                   |  |  |  |     |       | Chồng / <i>Husband</i>         |
| 12.11 | Nguyễn Khánh Duy      |  |                                                                                              |                                                                                   |  |  |  |     |       | Con / <i>Son</i>               |
| 12.12 | Nguyễn Khánh Ngọc     |  |                                                                                              |                                                                                   |  |  |  |     |       | Con / <i>Daughter</i>          |
| 12.13 | Trương Khắc Hồng      |  |                                                                                              |                                                                                   |  |  |  |     |       | Anh rể / <i>Brother in law</i> |
| 12.14 | Nguyễn Thị Phương     |  |                                                                                              |                                                                                   |  |  |  |     |       | Chị dâu / <i>Sister in law</i> |

|       |                                                    |  |                                                            |  |  |  |  |                   |                |                                                                                            |
|-------|----------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------------|--|--|--|--|-------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12.15 | Lữ Thị Thu                                         |  |                                                            |  |  |  |  |                   |                | Chị dâu / Sister<br>in law                                                                 |
| 12.16 | Trương Quang<br>Tuyển                              |  |                                                            |  |  |  |  |                   |                | Anh rể /<br>Brother in law                                                                 |
| 12.17 | Vũ Minh Hoàng                                      |  |                                                            |  |  |  |  |                   |                | Anh rể /<br>Brother in law                                                                 |
| 12.18 | Nguyễn Văn<br>Ruyên                                |  |                                                            |  |  |  |  |                   |                | Bố chồng /<br>Father in law                                                                |
| 12.19 | Nguyễn Thị Muôn                                    |  |                                                            |  |  |  |  |                   |                | Mẹ Chồng /<br>Mother in law                                                                |
| 12.20 | Công ty CP Cảng<br>Long Thành                      |  | Tổ chức có liên<br>quan / Related<br>organization          |  |  |  |  | 793,800           | 1.429%         | Là Thành viên<br>BKS CTCP<br>Cảng Long<br>Thành /<br>Member of<br>Supervisory<br>Board     |
| 12.21 | Công ty CP Tiếp<br>vận Số 1 Đồng Nai               |  | Tổ chức có liên<br>quan / Related<br>organization          |  |  |  |  |                   |                | Là Thành viên<br>BKS CTCP Tiếp<br>vận Số 1 Đồng<br>Nai / Member of<br>Supervisory<br>Board |
| 13    | <b>Tổng Công ty CP<br/>Phát triển KCN</b>          |  | <b>Tổ chức có liên<br/>quan / Related<br/>organization</b> |  |  |  |  | <b>28,338,660</b> | <b>51.000%</b> | <b>Công ty mẹ /<br/>Mother<br/>company</b>                                                 |
| 14    | <b>Tổng Công ty CP<br/>Đường Sông Miền<br/>Nam</b> |  | <b>Tổ chức có liên<br/>quan / Related<br/>organization</b> |  |  |  |  | <b>11,250,000</b> | <b>20.246%</b> | <b>Công ty liên kết<br/>/ Associated<br/>company</b>                                       |

[illegible]

|       |                          |  |  |  |  |  |  |  |  |                                    |
|-------|--------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|------------------------------------|
| 15.14 | Nguyễn Đức Hiên          |  |  |  |  |  |  |  |  | <i>Anh rể /<br/>Brother in law</i> |
| 15.15 | Nghiêm Đình<br>Dũng      |  |  |  |  |  |  |  |  | <i>Anh rể /<br/>Brother in law</i> |
| 15.16 | Phan Vĩnh Phúc           |  |  |  |  |  |  |  |  | <i>Anh rể /<br/>Brother in law</i> |
| 15.17 | Nguyễn Thị Quỳnh<br>Liên |  |  |  |  |  |  |  |  | <i>Chị dâu / Sister<br/>in law</i> |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty / *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company:*

| STT<br>/<br>No. | Người thực<br>hiện giao<br>dịch / <i>Person<br/>implementing<br/>transaction</i> | Quan hệ với<br>người nội<br>bộ /<br><i>Relationship<br/>with<br/>Internal<br/>person</i> | Số cổ phiếu sở<br>hữu đầu kỳ /<br><i>Number of shares<br/>owned at<br/>beginning of the<br/>period</i> |                        | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ /<br><i>Number of shares<br/>owned at ending<br/>of the period</i> |                        | Lý do tăng,<br>giảm (mua,<br>bán, chuyển<br>đổi,<br>thưởng...) /<br><i>Reason for<br/>increasing,<br/>decreasing<br/>(buying,<br/>selling,<br/>converting,<br/>rewarding...)</i> |
|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                 |                                                                                  |                                                                                          | Số cổ<br>phiếu /<br><i>Share</i>                                                                       | Tỷ lệ /<br><i>Rate</i> | Số cổ<br>phiếu /<br><i>Share</i>                                                                 | Tỷ lệ /<br><i>Rate</i> |                                                                                                                                                                                  |
|                 | Không có /<br><i>None</i>                                                        |                                                                                          |                                                                                                        |                        |                                                                                                  |                        |                                                                                                                                                                                  |

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác / *Other significant issues***

Không có / *None*

**Nơi nhận / *Receivable:***

- Như trên / *Above;*
- Lưu VT / *Saved.*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHAIRMAN**



**TRẦN THANH HẢI**